

SỞ GD&ĐT ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN BỘI CHÂU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2022

SỞ GD&ĐT ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN BỘI CHÂU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Vương Xuân Trung	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Phan Hoàng Công	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Sĩ Tuân	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Văn Cảnh	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
5	Nguyễn Thị Thùy Linh	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
6	Lê Thanh Sơn	Chủ tịch BCH công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Anh Tuấn	Bí Thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
8	Lê Quang Hưng	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	

9	Dương Lê Thành	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Trịnh Văn Công	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Văn Phường	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
12	Nguyễn Thị Quỳnh	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
13	Hoàng Thị Mai Hoa	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Đình Thảo	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
15	Vương Thị Thùy	Văn Thư	Ủy viên Hội đồng	
16	Nguyễn Thị An	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	

ĐẮK NÔNG - 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	17
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	26
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	27
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	28
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	29

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	31
Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	32
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	33
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	35
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	37
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	38
Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	39
Tiêu chí 3.2: Phòng học	40
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	42
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	43
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	44
Tiêu chí 3.6: Thư viện	45
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	47
Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	48
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	49
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	51
Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	52
Mở đầu	52
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	52

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	54
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	56
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	57
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	58
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	63
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	64
Tiêu chí 1	64
Tiêu chí 2	64
Tiêu chí 3	64
Tiêu chí 4	65
Tiêu chí 5	65
Tiêu chí 6	65
<i>Kết luận</i>	65
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	65
Phần IV. PHỤ LỤC	67

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CBGVNV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
4	CSVC	Cơ sở vật chất
5	HN	Hướng nghiệp
6	KHKT	Khoa học kỹ thuật
7	NGLL	Ngoài giờ lên lớp
8	SGK	Sách giáo khoa
9	THPT	Trung học phổ thông
10	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 1

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN BỘI CHÂU

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Sở GD&ĐT Đắk Nông

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG	Họ và tên hiệu trưởng	Vương Xuân Trung
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Cư Jút	Điện thoại	02613709328
Xã / phường/thị trấn	Xã Nam Dong	Fax	
Đạt CQG		Website	http://c3phanboichau.daknong.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2006	Số điểm trường	
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 10	12	12	10	10	12
Khối lớp 11	10	10	11	10	10

Khối lớp 12	9	9	10	11	9
Cộng	31	31	31	31	31

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	56	56	56	56	56	
1	Phòng học	31	31	31	31	31	
a	Phòng kiên cố	31	31	31	31	31	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	6	6	6	6	6	
a	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	11	11	11	11	11	
1	Phòng kiên cố	11	11	11	11	11	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng	8	8	8	8	0	

	khác (nếu có)						
	Cộng						

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	2	0	
Giáo viên	70	44	12	0	61	9	
Nhân viên	4	4	0	0	4	0	
Cộng	77	48	12	0	67	10	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	0	0	0	0	0
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	0	0	0	0	0
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0	0	0	0	0

4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1060	1086	1091	1065	1092	
	- Nữ	581	580	588	570	565	
	- Dân tộc	379	401	440	417	425	
	- Khối lớp 10	427	437	396	406	436	
	- Khối lớp 11	341	341	365	318	354	
	- Khối lớp 12	292	308	330	341	302	
2	Tổng số tuyển mới	0	0	393	398	430	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	34.2	35	34.5	34.4	35.2	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	86.6%	87.8%	87.2%	87.5%	87.9%	
	- Nữ	92.3%	91.2%	90.9%	90.5%	90.3%	
	- Dân tộc thiểu số	82.1%	84.5%	81.8%	80.6%	85%	

8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	5	0	0	9	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách					96	
	- Nữ	0	0	0	0	57	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	54	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hoà nhập	0	0	0	0	4	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	69	95	127	143	192	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	434	429	437	450	443	

Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	445	486	414	404	358	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	35	38	36	15	40	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	761	762	793	792	784	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	192	242	177	191	216	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	29	42	42	26	33	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu	1	2	2	3	2	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

I. Tổng quan về nhà trường

Trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu được thành lập năm 2006, theo Quyết định số 778/QĐ/UBND, ngày 03 tháng 7 năm 2006, của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk. Giai đoạn đầu thành lập, trường chỉ có 20 phòng học và chưa có các phòng chức năng làm việc chỉ đáp ứng học 1 buổi/ngày. Năm 2016 xây dựng xong qui mô trường lớp với 31 phòng gồm 03 dãy phòng học, 01 dãy phòng bộ môn và 01 dãy nhà hiệu bộ với đầy đủ phòng học, khối phục vụ học tập, khối hành chính quản trị bước đầu đáp ứng cơ bản nhiệm vụ dạy và học; đội ngũ giáo viên đầy đủ, chất lượng đội ngũ ngày được nâng cao, giáo viên dạy giỏi các cấp ngày càng tăng; chất lượng đào tạo được cải tiến hàng năm, số học sinh vào các trường đại học - cao đẳng khá cao và đã có học sinh thi đậu vào các trường đại học danh tiếng; nhận thức của nhân dân địa phương về vấn đề học tập ngày được nâng cao. Trường đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu học tập của con em tại địa phương.

1. Điểm mạnh

a. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm 80 người. Trong đó bao gồm:

Cán bộ quản lý gồm 3 người trong đó có 1 Hiệu trưởng, 2 Phó Hiệu trưởng. Tất cả cán bộ quản lý đã tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo về lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý giáo dục.

- Giáo viên 70 người.

- Nhân viên 07 người, bao gồm 01 kế toán, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 01 y tế, 02 bảo vệ, 01 tạp vụ.

- Trình độ đào tạo chuyên môn nghề nghiệp của cán bộ, giáo viên 100% đạt chuẩn (trong đó có 10 trên chuẩn và có 01 CBQL đang theo học trên chuẩn).

- Chi bộ nhà trường có 34 đảng viên.

- Đội ngũ giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, năng động nhiệt tình công tác, tận tâm với nghề.

- Sự thành công của các thế hệ học sinh đi trước là tấm gương cho các thế hệ học sinh sau noi theo.

- Phụ huynh học sinh ngày càng nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng của việc học đối với con em mình và ngày càng có nhiều đóng góp, chia sẻ với nhà trường; quan hệ giữa nhà trường và gia đình học sinh ngày càng gắn bó.

- Sự nghiệp giáo dục của trường đã tạo được niềm tin trong xã hội. Do đó, nhà trường ngày càng nhận được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên và địa phương trong công tác phát triển nhà trường.

b. Học sinh:

- Trong 05 năm trở lại đây số lượng học sinh nhà trường luôn ổn định với 31 lớp.

+ Tỷ lệ tốt nghiệp THPT luôn đạt từ 97% trở lên;

+ Tỷ lệ trúng tuyển đại học, cao đẳng luôn đạt trên 60%

c. Cơ sở vật chất:

- Tổng diện tích mặt bằng: 1628m² (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).
- Phòng học: 31 phòng, có đủ bàn ghế phù hợp lứa tuổi.
- Phòng thí nghiệm: 03 phòng (Vật lý, Sinh học, Hóa học).
- Phòng học Tin học: 02 phòng, có kết nối Internet.
- Phòng học Lab: 01 phòng, có kết nối Internet.
- Phòng thư viện: 1 phòng.
- Nhà đa năng: có 1
- Khu vực Hiệu bộ đáp ứng nhu cầu làm việc của nhà trường, các đoàn thể và các tổ bộ phận.
- Có sân chơi, bãi tập, các công trình vệ sinh cho giáo viên và học sinh, điện, nước...
- Có khu nhà công vụ kiên cố đáp ứng nhu cầu cho giáo viên, nhân viên nhà trường.
- Cơ sở vật chất bước đầu đáp ứng được yêu cầu tối thiểu để dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

2. Điểm hạn chế

a. Công tác quản lý của Lãnh đạo Nhà trường

- Chưa chủ động tuyển chọn được nhiều cán bộ, giáo viên có năng lực chuyên môn và có tinh thần trách nhiệm cao.
- Kiểm tra, đánh giá chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên còn mang tính động viên.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chưa mang lại hiệu quả cao.

b. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

- Một số ít giáo viên, nhân viên chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; sự tin nhiệm của học sinh, cha mẹ học sinh và đồng nghiệp chưa cao; một bộ phận cán bộ, giáo viên, nhân viên chậm đổi mới, hiệu quả giáo dục chưa cao.

c. Chất lượng học sinh

- Chất lượng tuyển sinh vào đầu cấp rất thấp, nhà trường chưa chủ động tuyển sinh được những học sinh có chất lượng.
- Chất lượng học sinh mũi nhọn chưa cao chưa đồng đều ở các bộ ở các bộ môn, chưa có học sinh đạt học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia.
- Số học sinh có học lực yếu, kém vẫn còn; ý thức học tập của phần lớn học sinh chưa cao ...

d. Cơ sở vật chất:

- Chưa đồng bộ và hiện đại; phương tiện, thiết bị, dụng cụ phục vụ dạy và học đã cũ và hư hỏng nhiều.
- Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chỉ đáp ứng ở mức tối thiểu.

- Thư viện chưa được trang bị hiện đại và đầy đủ, số lượng đầu sách ít.
- Công tác làm đồ dùng dạy học có giá trị được triển khai chưa hiệu quả.
- Nhà đa năng, 02 dãy phòng học xây dựng trên 10 năm và tường rào đã xung quanh trường xuống cấp chưa được tu sửa.

II. Mục đích của công tác tự đánh giá

- Xác định cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tham mưu cấp trên đầu tư và đồng thời huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

III. Quy trình tự đánh giá

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Lập kế hoạch tự đánh giá.
- Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Viết báo cáo tự đánh giá.
- Công bố báo cáo tự đánh giá.
- Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

IV. Phạm vi, phương pháp tự đánh giá

Nhà trường triển khai hoạt động tự đánh giá được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018, của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự đánh giá căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và kết quả đã đạt qua các năm theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể từ đó tổng hợp các minh chứng, mô tả đúng thực trạng đạt được của nhà trường, đánh giá chính xác, khách quan, đề ra kế hoạch cải tiến, khắc phục những hạn chế, yếu kém phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, tránh tình trạng mô tả và đánh giá không phù hợp với việc thực hiện và kết quả của nhà trường, xây dựng kế hoạch cải tiến thiếu thực tế.

V. Công cụ tự đánh giá

- Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hướng dẫn 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

VI. Kết quả tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường THPT Phan Bội Châu thống nhất đánh giá: 5 tiêu chuẩn; 28 tiêu chí, 129 chỉ số.

2. Mục đích TĐG

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Tổ chức và quản lý nhà trường là nhiệm vụ quan trọng quyết định cấu trúc bộ máy và điều hành quản lý hoạt động giáo dục của nhà trường. Trường THPT Phan Bội Châu có đầy đủ các tổ chức, bộ phận theo hướng dẫn của Luật Giáo dục và Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Từng tổ chức, bộ phận có nhiệm vụ, chức năng cụ thể, hoạt động vừa độc lập vừa phối hợp chặt chẽ với nhau, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ và Hiệu trưởng nhà trường. Các hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác được tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, dân chủ, đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tiễn nhà trường, hoạt động có hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường[H1-1.1-01].

Hàng năm nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu phân đầu [H1-1.1-03]; nghiêm túc đánh giá việc thực hiện chiến lược và đề ra biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược [H1-1.1-05], qua đó xây dựng phương án tuyển sinh phù hợp với thực tiễn và chiến lược phát triển nhà trường.

Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển

có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. [H1-1.1-05]

Trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn 2030. Nội dung của Kế hoạch chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường[H1-1.1-01];

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản, đã công bố trước Hội đồng sư phạm nhà trường và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01];

Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường[H1-1.1-01].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu phấn đấu [H1-1.1-03]; nghiêm túc đánh giá việc thực hiện chiến lược và đề ra biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược [H1-1.1-05], qua đó xây dựng phương án tuyển sinh phù hợp với thực tiễn và chiến lược phát triển nhà trường.

Mức 3:

Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. [H1-1.1-05]

2. Điểm mạnh

Nội dung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được thể hiện đầy đủ, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương.

Chiến lược đã xác định rõ xứ mệnh, tầm nhìn, định hướng mục tiêu và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển của nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn 2030, là cơ sở để xây dựng kế hoạch từng năm học nói chung và các kế hoạch hoạt động khác nói riêng.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến 2030. Do đó chưa tổ chức rà soát, đánh giá và bổ sung chiến lược phát triển.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng Kế hoạch phát triển học sinh và đội ngũ, CSVC từng năm; Hàng năm có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương, kế hoạch năm học 2021 – 2022, rà soát đánh giá và đề ra các giải pháp để thực hiện. Nhà trường có các giải pháp giám sát thường xuyên việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn khích lệ, động viên thành viên thực hiện chiến lược.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Phan Bội Châu có: Hội đồng trường, đã được Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập; Hội đồng thi đua và khen thưởng hằng năm do Hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch ;

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Luật Giáo dục hiện hành và Điều lệ trường trung học, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-05];

Hàng năm, có rà soát đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ riêng của từng thành viên, qua đó có thể bổ sung, thay đổi nhân sự, kiện toàn Hội đồng nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giáo dục theo kế hoạch [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác làm việc công tâm, đánh giá khách quan theo đúng quy định của pháp luật. Hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, góp phần vào sự phát triển của nhà trường [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Hoạt động của Hội đồng trường góp phần xây dựng chủ trương trong thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; hoạt động của các hội đồng khác góp phần cụ thể hóa việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một vài thành viên trong Hội đồng trường và các hội đồng khác kinh nghiệm còn hạn chế, do đó việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đôi khi còn chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm kiện toàn Hội đồng trường; xây dựng kế hoạch hoạt động; một năm học tổ chức họp ít nhất 3 lần, giám sát đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường.

Các Hội đồng khác hoạt động theo quy chế và điều lệ trường học như : Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn, ...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định[H1-1.3-01];

Chi bộ Đảng hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện chức năng lãnh đạo theo hình thức tập trung dân chủ, sinh hoạt định kỳ một tháng 01 lần và ra nghị quyết lãnh đạo[H1-1.3-02];

Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn dưới sự chỉ đạo của Công đoàn ngành giáo dục và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ nhà trường theo nghị quyết của tổ chức Công đoàn. Ngoài ra, còn phối hợp với các tổ chức khác trong nhà trường để hoạt động và đưa ra nghị quyết hàng năm[H1-1.3-03];

Đoàn trường hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ đồng thời phối hợp với các đoàn thể khác trong nhà trường và đưa ra nghị quyết Đoàn trường hàng năm[H1-1.3-02];

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên đều có nghị quyết hoạt động từng nhiệm kỳ và hằng năm đồng thời đều tổ chức rà soát đánh giá việc thực hiện kế hoạch sau mỗi tháng, học kỳ, sơ kết, tổng kết nhằm rút kinh nghiệm và đề ra các biện pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế [H1-1.3-03].

Mức 2:

Hằng năm, Chi bộ đều tổ chức đánh giá phân loại tổ chức đảng và đảng viên. Trong 5 năm liên tiếp gần đây, chi bộ luôn đạt danh hiệu từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, cụ thể: [H1-1.3-04]

Năm 2018 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

Năm 2016 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh.

Năm 2017 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh.

Năm 2018 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2019 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2020 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2021 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các tổ chức thực hiện tốt chức năng tham mưu cho trường đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo tập thể thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ chức, góp phần lớn vào việc thực hiện thành công kế hoạch của trường[H1-1.3-03];

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ nhà trường có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng được cấp trên ghi nhận khen thưởng.

2. Điểm mạnh

Chi bộ Đảng thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng các chủ trương lớn trong phát triển sự nghiệp của nhà trường;

Tổ chức Công đoàn đã thực hiện tốt chức năng chăm lo, bảo vệ quyền lợi người lao động đồng thời làm tốt công tác tham mưu cho Trường trong thực hiện các chế độ chính sách, các phong trào thi đua... góp phần vào việc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn của công đoàn viên;

Tổ chức đoàn thanh niên đã phối hợp với trường trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh và các hoạt động phong trào... tạo ra được nhiều sân chơi bổ ích, thu hút đông đảo học sinh tham gia góp phần làm phong phú hoạt động giáo dục của trường.

3. Điểm yếu

Cán bộ cốt cán, lãnh đạo các đoàn thể còn kiêm nhiệm nhiều việc nên ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả công việc;

Ban chấp hành Công đoàn chưa có nhiều kinh nghiệm tổ chức các hoạt động nên việc tham mưu cho cấp ủy Chi bộ còn hạn chế trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức Đại hội chi bộ nhà trường nghiêm túc theo các văn bản hướng dẫn và điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và từng năm học. Kiện toàn các tổ chức khác như: Công đoàn, Đoàn trường, ...; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hiệu quả, đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường. Phát huy trí tuệ của cá nhân, luôn sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Tiếp tục thực hiện dân chủ trong các mặt hoạt động giáo dục.

Mục tiêu Chi bộ xếp loại: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được giám đốc sở giáo dục và đào tạo bổ nhiệm theo đúng quy định [H1-1.3-01];

Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng trường ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng theo đúng quy định của điều lệ trường trung học và chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường hiện có 07 tổ chuyên môn (Tổ Toán - Tin; tổ Vật lý; tổ Hóa học - Sinh học - Công nghệ; tổ Ngữ văn; tổ Sử-Địa-GDCD; tổ Thể dục-GDQP; tổ Anh văn) và 01 tổ Văn phòng[H1-1.4-01];

Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động đúng với chức năng, nhiệm vụ theo từng năm học và theo từng tháng, từng tuần [H1-1.4-03].

Mức 2:

Đầu mỗi năm học, các tổ chuyên môn đều cho giáo viên đăng xây dựng Kế hoạch các nhân, đăng ký thực hiện các chủ đề dạy học, viết đề tài sáng và sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, qua đó giúp các em được tích hợp giáo dục kỹ năng sống, ý thức học tập tốt, lao động sáng tạo, kỹ năng giao tiếp [H1-1.4-04].

Định kỳ hằng tháng, hằng kỳ, các tổ chuyên môn và văn phòng đều có đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện Kế hoạch nhằm bổ sung, điều chỉnh và đề ra các biện pháp thực hiện kế hoạch đến hiệu quả hơn [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hằng năm, hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường được thể hiện qua các báo cáo sơ, tổng kết. Ngoài ra tổ Văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Hiệu trưởng và chức năng, nghiệp vụ của từng bộ phận như công việc hành chính, tài vụ, y tế, vệ sinh, an ninh trật tự trong nhà trường, bảo quản cơ sở vật chất

Đa số các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, tuy nhiên việc triển khai chuyên đề chuyên

môn hàng tháng của một số tổ còn chậm, chưa hiệu quả nên chất lượng giáo dục của bộ môn chưa cao; Tổ văn phòng thực hiện khá tốt nhiệm vụ theo phân công của hiệu trưởng

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức đảm bảo theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn nên sự vận hành của nhà trường đảm bảo chặt chẽ, khoa học; việc thực hiện kế hoạch của nhà trường đảm bảo xuyên suốt và thống nhất từ trên xuống dưới.

Đội ngũ cán bộ cốt cán từ hiệu trưởng đến tổ phó các tổ có năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ nên góp phần lớn trong thành công của cả tập thể.

3. Điểm yếu

Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa chuyên sâu vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu; trình độ tay nghề của giáo viên chưa đồng đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hoạt động theo quy chế, có sự phân công hợp lý, cụ thể. Tiếp tục cải tiến nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn, SHCM theo nghiên cứu chuyên đề, bài dạy. Đổi mới cải cách thủ tục hành chính, giải quyết công việc đúng quy trình.

Tổ văn phòng hoạt động theo điều lệ tập trung phát huy tốt việc tổ chức họp, kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ, quan tâm kiểm soát phòng chống dịch Covid -19.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 31 lớp trong đó khối 10: 12 lớp, khối 11: 10 lớp , khối 12: 09 lớp [H1-1.5-01];

Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có lớp trưởng, 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành 4 tổ học sinh. Mỗi tổ có 1 tổ trưởng, 1 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02];

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Giáo viên chủ nhiệm quản lý học sinh theo nguyên tắc tự quản, dân chủ trong các tiết sinh hoạt lớp, lao động vệ sinh, tham gia các hoạt động do Đoàn trường tổ chức. Các tiết sinh hoạt chủ nhiệm do lớp trưởng điều hành, giải quyết những công việc chung của lớp [H1-1.1-05], [H1-1.5-02].

Mức 2:

Trường có 31 lớp học. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định, không quá 45 học sinh theo quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trường có 31 lớp học. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định, không quá 45 học sinh theo quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Biên chế tổ chức lớp học, sĩ số học sinh trong một lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Số lớp phù hợp với điều kiện nhà trường, thuận lợi cho tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Số lượng học sinh mỗi lớp không quá đông nên thuận lợi trong dạy học và giáo dục.

Cơ cấu ban cán sự của lớp đầy đủ tạo điều kiện để điều hành trong các hoạt động của lớp.

3. Điểm yếu

Kỹ năng tự điều hành và tự sinh hoạt tập thể của các lớp còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì sĩ số học sinh trong lớp đảm bảo theo quy định .

Tham mưu để đảm bảo năm học 2022-2023 đảm bảo sĩ số lớp học.

Phát huy vai trò quản lý và nguyên tắc tự quản trong các lớp học và tính dân chủ . Chủ động để duy trì để tốt các khối lớp theo kế hoạch phát triển sự nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ về quản lý tài chính, tài sản và được lưu trữ theo quy định do kế toán trực tiếp phụ trách [H1-1.6-01];

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-02]; việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ được dự thảo và đưa ra bàn bạc thống nhất, công khai dân chủ định kỳ hàng năm tại Hội nghị công chức, viên chức nên đảm bảo sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn lực hiện có, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.6-03];

Nhà trường đã quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả [H1-1.6-01], [H1-1.6-04].

Mức 2:

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường thông qua các phần mềm được sử dụng như: phần mềm vnedu; cơ sở dữ liệu ngành; trường học kết nối, phần mềm kế toán như phần mềm Misa, phần mềm quản lý tài sản [H1-1.6-06].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-01], [H1-1.6-02].

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, chủ yếu là nguồn tài chính huy động từ công tác xã hội hóa phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H4-4.1-01], [H4-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng nguyên tắc; công tác công khai được đảm bảo theo quy định tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát ngược.

Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi hằng năm tạo điều kiện phát huy tối đa nguồn lực hiện có của nhà trường.

Công tác xã hội hóa được chú trọng và thực hiện có hiệu quả đã huy động tối đa nguồn lực bên ngoài trong thực hiện kế hoạch giáo dục nói chung và xây dựng cải tạo cơ sở vật chất khuôn viên tạo cảnh quan môi trường sư phạm nói riêng.

3. Điểm yếu

Vị trí việc làm kế toán trong thời gian qua được thay đổi nhiều nên ảnh hưởng lớn trong việc lưu trữ, quản lý hồ sơ sổ sách.

Vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm hiện phải cử giáo viên kiêm nhiệm nên gây khó khăn trong việc quản lý hồ sơ, chuẩn bị đồ dùng cho các tiết thực hành thí nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch tổ chức, rà soát, đánh giá việc sử dụng các loại hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục theo từng học kỳ và năm học.

Tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch về sử dụng tài chính, tài sản trong nhà trường.

Thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm trong sử dụng văn phòng phẩm, điện thắp sáng, nước sinh hoạt. Thực hiện tốt công tác rà soát và công khai theo TT 36/ TT-BGDĐT, NĐ 24/ 2021 của chính phủ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng toàn diện trong nhà trường. Chú trọng đào tạo nâng chuẩn; mở các lớp bồi dưỡng tại trường theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, nhà trường còn khuyến khích giáo viên tự học, tự tham gia bồi dưỡng các lớp liên quan đến công tác chuyên môn và nghiệp vụ [H1-1.7-01];

Hàng năm, trước khi vào năm học mới nhà trường rà soát nhân sự, phân công nhiệm vụ từng cá nhân, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực cá nhân, đảm bảo hiệu quả hoạt động thực tiễn của nhà trường [H1-1.7-02];

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường trung học và văn bản hiện hành khác [H1-1.7-01].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao, báo cáo sơ kết, tổng kết và thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng theo đúng hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo [H1-1.1-03], qua đó đề ra các biện pháp tốt để tập hợp, tạo cơ hội cho mọi thành viên của trường phát huy hết khả năng sáng tạo trong các hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hợp lý có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương, tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phân công nhiệm vụ, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý. Công tác khen thưởng được coi trọng và thực hiện công bằng, khách quan phát huy sở trường công tác của mỗi cá nhân.

3. Điểm yếu

Khó khăn trong bồi dưỡng do giáo viên có con nhỏ. Một số ít giáo viên, nhân viên còn hạn chế về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, chưa chủ động trong tự học, tự rèn nên gây khó khăn trong phân công, bố trí nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng quy chế, nội quy làm việc. Phân công nhiệm vụ cụ thể theo vị trí việc làm. Tiếp tục tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng văn bằng 2 và Cử đội ngũ tham gia học trên chuẩn (học thạc sỹ) theo kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ. Ứng dụng CNTT trong quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục được thảo luận, bàn bạc và thống nhất một cách công khai dân chủ nên phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.1-03];

Kế hoạch giáo dục gồm: Kế hoạch năm học [H1-1.1-03], kế hoạch tháng, kế hoạch định kỳ của nhà trường [H1-1.8-01], kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi [H1-1.8-02], kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật [H1-1.4-04], kế hoạch lao động [H1-1.8-04, ... được thể hiện khá đầy đủ về mặt nội dung, chi tiết các hoạt động giáo dục theo Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo. Các kế hoạch của nhà trường, đoàn thể, các tổ bộ phận được cụ thể hóa theo từng tuần, từng tháng và học kỳ;

Định kỳ, kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, bổ sung điều chỉnh kịp thời các giải pháp để hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục kịp thời, đạt chất lượng và hiệu quả; kết quả năm sau cao hơn năm trước, được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả hàng năm. Nhà trường đã quán triệt Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019, Văn bản Hướng dẫn của cấp trên quy định về dạy thêm, học thêm và các công văn hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy thêm học thêm đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường [H2-2.1-02], [H2-2.2-01].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đảm bảo khoa học, chi tiết, có tính khả thi cao, phù hợp với thực tiễn nhà trường, được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời tạo động lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy sở trường công tác.

3. Điểm yếu

Công tác kiểm tra đánh giá đôi lúc chưa kịp thời. Chất lượng kế hoạch giáo dục của một số tổ, nhóm chuyên môn và một số giáo viên còn hạn chế;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sắp xếp công việc, bố trí thời gian hợp lý để thực hiện kiểm tra nội bộ và thực hiện khắc phục hạn chế sau kiểm tra nội bộ. Tiếp tục thực hiện tốt tự chủ trong xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

Tăng cường quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm ở cả trong và ngoài nhà trường, thực hiện các hoạt động kiểm soát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, Trường đều tổ chức hội nghị công nhân viên chức, tại đây các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường như: Nội quy của cơ quan, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-01].

Nhà trường phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức phổ biến nhiệm vụ năm học, kế hoạch năm học của nhà trường để trên cơ sở đó cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường phát huy quyền dân chủ của mình, tránh được tình trạng gây mất đoàn kết nội bộ, lạm dụng dân chủ, dân chủ hình thức, làm ảnh hưởng tới sự phát triển ổn định của nhà trường [H1-1.1-03];

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật [H1-1.9-02]; Hằng năm, nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thông qua báo cáo của ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-02].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có bổ sung việc rà soát, đánh giá và đề ra các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện trong nghị quyết của Công đoàn, trong báo cáo - phương hướng của Ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với đặc điểm và tình hình riêng của đơn vị. Việc xây dựng các quy định, quy chế, quy ước đã làm cho tập thể nhà trường thể hiện rõ hơn tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, đảm bảo được sự công bằng, minh bạch trong quản lý, qua đó củng cố lòng tin cả tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên, nhân viên còn tham gia chưa đầy đủ trong các lớp học tập nghị quyết, tập huấn chuyên môn; còn thụ động trong việc phát huy quyền làm chủ tập thể.

Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Hiệu trưởng, Ban chấp hành Công đoàn cam kết để thực hiện tốt công tác dân chủ trong trường học, dân chủ trong các cuộc họp, các hoạt động và phát huy tinh thần, trí tuệ sáng tạo của cá nhân, trong tập thể.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Thực hiện các chỉ đạo của Sở giáo dục và Đào tạo. Trường đã xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự: kế hoạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; kế hoạch an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thảm họa, thiên tai; Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh; Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường [H1-1.10-01]. Có biên bản kiểm tra căn-tin [H1-1.10-06];

Nhà trường niêm yết công khai địa chỉ trang web của trường trên bảng thông báo đồng thời xây dựng hộp thư góp ý sẵn sàng tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân, cha mẹ học sinh, học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường. Đồng thời đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-03]. Thông qua các cuộc họp ban đại diện cha mẹ học sinh, nhà trường lấy ý kiến góp ý từ cha mẹ học sinh và tiến hành giải quyết các ý kiến thắc mắc một cách nhanh chóng, thấu đáo [H1-1.10-05] [H1-1.10-04];

Là trường có 30% học sinh là người dân tộc ít người, thuộc nhiều dân tộc khác nhau nhưng giữa các em không có sự kì thị dân tộc, vùng miền, cũng như không có hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H2-2.4-01].

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các nội dung được tuyên truyền và phổ biến trong các tiết chào cờ đầu tuần [H1-1.10-07], trong các cuộc họp định kỳ, qua email cá nhân và phần mềm ioffice và các hoạt động ngoại khóa do Đoàn thanh niên tổ chức, trong hoạt động ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo do giáo viên chủ nhiệm tổ chức và các lớp tập huấn phòng chống đuối nước, phòng chống cháy nổ do nhà trường tổ chức [H1-1.10-07];

Thông qua các cuộc họp cơ quan và giao ban chủ nhiệm, Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường được xây

dựng và thực hiện có hiệu quả với nhiều hình thức phong phú, đa dạng giúp học sinh hiểu rõ, nắm vững và tuân thủ thực hiện. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động, tạo môi trường giáo dục an toàn, góp phần thuận lợi cho công tác giáo dục, chăm sóc học sinh, từ đó tạo niềm tin cho nhân dân.

3. Điểm yếu

Do đặc điểm, tình hình địa phương và nhà trường nên việc đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống tai nạn đuối nước còn hạn chế;

Một số ít học sinh còn vi phạm giao thông, vi phạm nội quy của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, nội quy trường lớp, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm. Phối hợp tốt với chính quyền địa phương, các ngành chức năng để kiểm tra, thu thập đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn hiệu quả.

Tổ chức tập huấn và truyền thông thường xuyên về đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện tốt quy định về bình đẳng giới.

Xây dựng kế hoạch mời công an phòng cháy về tập huấn về tuyên truyền phòng chống cháy nổ và an ninh, an toàn trong trường học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Tổ chức và quản lý nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương; trong đó có định hướng mục tiêu và các giải pháp chủ yếu quá trình vận động và phát triển của nhà trường.

Đội ngũ cán bộ cốt cán có năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

Quản lí, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng nguyên tắc; công tác công khai được đảm bảo theo quy định tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát ngược.

Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, hợp lý có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương, tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phân công nhiệm vụ, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý. Công tác khen thưởng được coi trọng và thực hiện công bằng, khách quan đã phát huy sở trường công tác của mỗi cá nhân.

Quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với đặc điểm và tình hình riêng của đơn vị. Việc xây dựng các quy định, quy chế, quy ước đã làm cho tập thể nhà trường thể hiện rõ hơn tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, đảm bảo được sự công bằng, minh bạch trong quản lí qua đó củng cố lòng tin cả tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

Cán bộ cốt cán, lãnh đạo các đoàn thể phải kiêm nhiệm nhiều nên hiệu quả công việc chưa đạt như mong muốn. Một vài thành viên trong Hội đồng trường và các hội đồng khác kinh nghiệm còn hạn chế, do đó việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đôi khi còn chậm so với tiến độ.

Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa chuyên sâu vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu;

Khó khăn trong bồi dưỡng do một số giáo viên có con nhỏ, nhà xa trường. Một số ít giáo viên, nhân viên còn hạn chế về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, chưa chủ động trong tự học, tự rèn.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 10/10 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh là một trong những nhân tố then chốt có vai trò quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường. Đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh hàng năm giúp nhà trường thấy được những mặt mạnh, những tồn tại qua đó nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, đạt trình độ chuẩn được đào tạo ở cấp học cao nhất đối với trường phổ thông có nhiều cấp học và đã dạy học trên 5 năm ở cấp học THPT [H2-2.1-01];

Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn quy định tại Chuẩn hiệu trưởng trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Phó Hiệu trưởng đạt khá của chuẩn nghề nghiệp giáo viên cấp THPT và đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng có kế hoạch thường xuyên học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân; cập nhật kịp thời các yêu cầu đổi mới của ngành về chuyên môn, nghiệp vụ. Có tinh thần đổi mới, sáng tạo trong việc vận dụng các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ bản thân [H1-1.7-01];

Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đã được bồi dưỡng qua lớp quản lý giáo dục, Lãnh đạo cấp phòng. [H2-2.1-03].

Mức 2:

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định, và được tập thể giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đã hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị và Hiệu trưởng đang tham gia học lớp cao cấp lý luận chính trị [H2-2.1-01].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Đội ngũ quản lý của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được tập thể giáo viên nhân viên tín nhiệm, thúc đẩy quá trình đổi mới quản trị hoạt động dạy học và giáo dục học sinh hiệu quả; đảm bảo giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học, giáo dục phù hợp với phong cách học tập đa dạng, nhu cầu, sở thích và mức độ sẵn sàng học tập của mỗi học sinh; kết quả học tập, rèn luyện của học sinh được nâng cao.

3. Điểm yếu

Các Phó Hiệu trưởng chưa đạt chuẩn ở mức tốt theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu tiếp tục đổi mới công tác quản lý, nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Chủ động trong chỉ đạo các hoạt động chuyên môn và lĩnh vực chuyên môn mới.

Thường xuyên bồi dưỡng và nâng cao hiệu quả sử dụng tin học, ngoại ngữ trong công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn đảm bảo đủ số lượng giáo viên, cơ cấu cho tất cả các môn học. Giáo viên được Hiệu trưởng phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H1-1.7-01] [H2-2.2-02].

100% giáo viên nhà trường đạt chuẩn chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, trong đó có 10 giáo viên và 01 CBQL trên chuẩn chiếm [H1-1.7-02] [H1-1.1-03].

Trong năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020-2021 có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-01]

Mức 2:

Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2021 - 2022, tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 12.5%. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. Tuy nhiên, trình độ chuyên môn và năng lực công tác của một số GV ở một số bộ môn chưa đồng đều, vẫn còn một số GV chậm đổi mới trong phương pháp dạy học, chưa đáp ứng được xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên theo Khoản 1, 2 Điều 9 Quy định chuẩn nghề nghiệp GV THPT.

Giáo viên nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc nội quy đơn vị, quy định của ngành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Nhà trường luôn đảm bảo đủ số lượng giáo viên, cơ cấu cho tất cả các môn học. Giáo viên được Hiệu trưởng phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H1-1.7-01] [H2-2.2-02].

100% giáo viên nhà trường đạt chuẩn chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, trong đó có 10 giáo viên và 01 CBQL trên chuẩn chiếm [H1-1.7-02] [H1-1.1-03].

Trong năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020-2021 có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-01]

Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2021 - 2022, tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 12.5%. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. Tuy nhiên, trình độ chuyên môn và năng lực công tác của một số GV ở một số bộ môn chưa đồng đều, vẫn còn một số GV chậm đổi mới trong phương pháp dạy học, chưa đáp ứng được xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên theo Khoản 1, 2 Điều 9 Quy định chuẩn nghề nghiệp GV THPT.

Giáo viên nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc nội quy đơn vị, quy định của ngành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Cán bộ, GV nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm và tổ chức hướng nghiệp cho HS, nhiều GV có khả năng hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học, hàng năm GV hướng dẫn cũng đã có HS tham gia và đạt giải trong các cuộc thi KHKT cấp tỉnh.

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Tham mưu với các cấp đề án sắp xếp, tinh giản bộ máy và tuyển dụng, đảm bảo cân đối giáo viên ở các bộ môn để cơ cấu giáo viên giữa các môn hợp lý.

Thực hiện kế hoạch đào tạo giáo viên theo quy hoạch và bồi dưỡng nâng cao trình độ theo quy định của Bộ Giáo dục.

3. Điểm yếu

Trình độ chuyên môn và năng lực công tác chưa đồng đều giữa các bộ môn. Một số giáo viên chưa chủ động tự nghiên cứu, đổi mới phương pháp dạy học. Số lượng giáo viên tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm, làm đề tài khoa học hằng năm chưa nhiều. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn ở mức tốt còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu với các cấp đề án sắp xếp, tinh giản bộ máy và tuyển dụng, đảm bảo cân đối giáo viên ở các bộ môn để cơ cấu giáo viên giữa các môn hợp lý.

Thực hiện kế hoạch đào tạo giáo viên theo quy hoạch và bồi dưỡng nâng cao trình độ theo quy định của Bộ Giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên làm công tác văn thư, y tế trường học, kế toán, thủ quỹ, thư viện, lao công và bảo vệ theo định mức biên chế viên chức ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định hiện hành khác [H1-1.7-02];

Nhân viên nhà trường có trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn và được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc; Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-02];

Việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo sự phân công của Hiệu trưởng: Hằng năm được đánh giá xếp theo quy định, đa số nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.2-01].

Mức 2:

Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định [H2-2.2-01];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.1-05].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Số lượng nhân viên đảm bảo bố trí đủ các vị trí việc làm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trường.

3. Điểm yếu

Nhiều vị trí việc làm phải bố trí kiêm nhiệm, một số nhân viên chưa ý thức tinh thần trách nhiệm nên hiệu quả công việc được giao đôi lúc còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu với các cấp để nhà trường cơ bản đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu.

Nhà trường đánh giá, nhận xét, xếp loại chính xác, khách quan nhân viên theo quy định.

Bố trí, sắp xếp cho nhân viên dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ. Nhân viên văn phòng thường xuyên cải tiến các biện pháp thực hiện nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Học sinh nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định tại Điều lệ trường trung học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020): Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi, ngoài ra còn có học sinh là người dân tộc thiểu số có tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định [H1-1.5-01];

Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định trong Điều lệ trường trung học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020): thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học sinh trung học đảm bảo tính văn hoá, phù hợp với đạo đức và lối sống của lứa tuổi học sinh trung học, chấp hành nghiêm các hành vi học sinh không được làm [H1-1.1-05];

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định trong Điều lệ trường trung học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020): Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định, được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức, được giáo dục kỹ năng sống, được nhận học bổng và trợ cấp khác theo quy định [H1-1.5-02].

Mức 2:

Một số ít học sinh vi phạm các hành vi không được làm theo quy định trong Điều lệ trường trung học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020): Được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực [H1-1.1-05], [H2-2.4-01].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Tuyển sinh đầu vào nhiều năm đảm bảo số lượng, độ tuổi và các quy định theo Phương án tuyển sinh hàng năm. Đa số học sinh chấp hành nghiêm túc nội quy và các quy định tại trường. Chủ động trong học tập, tham gia tích cực trong các hoạt động học tập, bồi dưỡng học sinh giỏi, các phong trào văn hóa, thể dục, hội thao và các cuộc thi cấp trên phát động.

3. Điểm yếu

Chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp, một vài học sinh chưa xác định đúng mục đích, động cơ học tập, chưa chủ động tự học, tự rèn do đó kết quả học tập và rèn luyện thấp.

Một số năm tuyển sinh đầu vào chưa đủ số lượng so với chỉ tiêu đề ra

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường, tổ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp hoạt động thường xuyên để làm tốt công tác giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử cho học sinh và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, tái phạm nội quy của lớp và quy định của nhà trường.

Tiếp tục kết hợp với CMHS trong công tác phối hợp quản lý, đặc biệt là đối với những HS hay vi phạm nội quy.

Học sinh thực hiện tốt các quy định của trường, nội dung tự xây dựng tại các lớp học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng. Tất cả cán bộ quản lý đã tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo về lí luận chính trị và nghiệp vụ quản lý giáo dục; trình độ chuyên môn của cán bộ, giáo viên: 100% đạt chuẩn.

Số lượng nhân viên đảm bảo bố trí đủ các vị trí việc làm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trường.

Tuyển sinh đầu vào đảm bảo số lượng, độ tuổi và các quy định theo Phương án tuyển sinh hàng năm. Đa số học sinh chấp hành nghiêm túc nội quy và các quy định tại trường. Chủ động trong học tập, tham gia tích cực trong các hoạt động học tập, bồi dưỡng học sinh giỏi, các phong trào văn hóa, thể dục, hội thao và các cuộc thi cấp trên phát động.

Nhiều vị trí việc làm phải bố trí kiêm nhiệm, một số nhân viên chưa ý thức tinh thần trách nhiệm nên hiệu quả công việc được giao đôi lúc còn hạn chế.

Chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp, một vài học sinh chưa xác định đúng mục đích, động cơ học tập, chưa chủ động tự học, tự rèn do đó kết quả học tập và rèn luyện thấp.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 1/4 (1/4) tiêu chí chiếm 25 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, cơ sở vật chất được xây dựng đủ về số lượng, có đầy đủ hệ thống cổng trường, biển tên trường, khối phòng học, khối phòng bộ môn, khối phòng hành chính. Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo phục vụ đủ qui mô hoạt động giáo dục. Hiện tại, nhà trường có các khối phòng phục vụ học tập (gồm nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn thanh niên, phòng truyền thống...), khối phòng hành chính - quản trị (gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên, phòng các tổ chuyên môn, phòng y tế trường học), nhà trường có đủ phòng làm việc, có khu để xe, khu nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên...được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc sử dụng và được giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, có sân chơi bãi tập và cây xanh bóng mát, tạo được môi trường xanh - sạch - đẹp, là điều kiện thuận lợi phục vụ dạy - học, đảm bảo cho mục tiêu phát triển chất lượng giáo dục.

Thiết bị văn phòng, dạy học được trang bị tương đối đầy đủ để làm việc và phục vụ công tác dạy và học; thư viện nhà trường được trang bị khá phong phú, tương đối đủ đầu sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục,...và mở cửa hoạt động hàng ngày trong tuần, đáp ứng nhu cầu đọc của giáo viên và học sinh.

Hệ thống thoát nước trong trường đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhà trường luôn có kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của nhà trường nhằm có sự phân công quản lý, phụ trách, tu sửa, bảo trì kịp thời, sử dụng đúng, có hiệu quả, không lãng phí, làm cho những cơ sở vật chất hiện có của nhà trường phục vụ tốt, tối đa cho công tác dạy học. Sau đây là phần mô tả chi tiết cho từng tiêu chí.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khuôn viên trường có hệ thống cây xanh, cây bóng mát, bồn hoa, cây cảnh đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01];

Nhà trường có khuôn viên, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tường bao quanh bằng gạch cao 1,5m đảm bảo cách biệt với các hoạt động bên ngoài tạo điều kiện thuận lợi cho quản lí học sinh trong cũng như ngoài giờ học [H3-3.1-01];

Có 1 nhà đa chức năng, 2 sân bóng chuyền, 2 sân cầu lông, 3 bàn bóng bàn, 1 hồ nhảy xa [H3-3.1-01], [H3-3.1-02].

Mức 2:

Tổng diện tích khuôn viên là 1628m², bình quân đạt trên 15m²/học sinh. Trong khuôn viên nhà trường có khu sân chơi có diện tích 800m², chiếm 50% tổng diện tích toàn trường. Bãi tập được quy hoạch một khu riêng, có cây xanh bao quanh, có diện tích 300m² chiếm 18%. Tổng diện tích sân chơi và bãi tập của nhà trường là 1100m² chiếm hơn 68% tổng diện tích toàn khuôn viên theo đúng quy định [H1-1.1-03].

Mức 3:

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích bằng 68% tổng diện tích sử dụng của trường [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch cải tạo và nâng cấp cảnh quan, môi trường từ nguồn kinh phí có được qua công tác xã hội hoá, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, xây dựng được cho học sinh môi trường học tập, sinh hoạt thân thiện, lành mạnh.

3. Điểm yếu

Khu 02 dãy phòng học xây dựng đã trên 10 năm, nhà đa năng xuống cấp ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

Cây xanh trong khuôn viên trường còn nhỏ độ che phủ bóng mát còn ít

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu các cấp thực hiện, mở rộng trường, sớm đưa vào sử dụng.

Có kế hoạch thúc đẩy quá trình phát triển hệ thống cây xanh, cây bóng mát; nhằm tạo môi trường ngày càng “xanh hơn - sạch hơn - đẹp hơn”. Bổ sung thiết bị để duy trì các hoạt động khu bãi tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong phòng học có đủ thiết bị và 22 bộ bàn ghế (loại 2 chỗ ngồi) phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết chống lóa, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02];

Nhà trường có đủ phòng học bộ môn theo quy định, gồm các phòng học bộ môn các môn Tiếng Anh, Tin học; Vật lí - Công nghệ, Hóa học, Sinh học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02];

Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn, thư viện và phòng họp kết hợp làm phòng truyền thống [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 2:

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên có hiệu quả [H3-3.1-01];

Nhà trường có đủ phòng học bộ môn theo quy định, gồm các phòng học bộ môn các môn Tiếng Anh, Tin học; Vật lí - Công nghệ, Hóa học, Sinh học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02];

Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn, thư viện và phòng họp kết hợp làm phòng truyền thống; Tuy nhiên phòng thư viện chưa đạt chuẩn [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên có hiệu quả; Tuy nhiên các phòng học bộ môn đã bị xuống cấp trầm trọng [H3-3.1-01].

Trong phòng học có đủ thiết bị và 22 bộ bàn ghế (loại 2 chỗ ngồi) phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết chống lóa, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02];

Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.1-02].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng học đảm bảo mỗi lớp 01 phòng học, có đủ các phòng học bộ môn đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Thiết bị trong phòng học, phòng bộ môn đảm bảo phục vụ tối thiểu trong các hoạt động dạy và học, đảm bảo yêu cầu hoạt động của nhà trường.

Hàng năm, nhà trường thường xuyên tu sửa, đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; mua sách tham khảo để trang bị cho thư viện; Làm tốt công tác tham mưu với cấp trên để đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường.

3. Điểm yếu

Máy tính ở 01 phòng học Tin học đã xuống cấp hay hư hỏng.

Sách tham khảo ở thư viện còn hạn chế.

Thiết bị dạy học một số bộ môn đã cũ và hư hỏng nhiều.

Thiết bị thí nghiệm thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu, đề xuất đầu tư xây dựng và trùng tu, sửa chữa các hạng mục bị xuống cấp.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả các phòng học bộ môn. Theo dõi, bảo quản tốt, sửa chữa kịp thời các loại tài sản nếu có bị hư hao. Giáo dục học sinh tự giác giữ gìn tài sản công, thực hiện tốt quy định về vệ sinh trường học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng và diện tích các phòng đảm bảo theo quy định, gồm các phòng: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, Thư ký, Công đoàn - Tư vấn – Tiếp dân, Đoàn thanh niên, Kế toán, Văn thư, phòng Y tế đáp ứng yêu cầu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.1-01]; [H1-1.6-05];

Khu nhà để xe giáo viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn [H3-3.1-01];

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát, sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị cho khối hành chính - quản trị [H3-3.3-01].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị nhà trường có đầy đủ phòng làm việc và các thiết bị thiết yếu theo quy định. Khu công vụ giáo viên đảm bảo nhu cầu ở của giáo viên [H3-3.1-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị nhà trường có đầy đủ phòng làm việc và các thiết bị theo quy định. Khu công vụ giáo viên đảm bảo nhu cầu ở của giáo viên [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định, cùng trang thiết bị tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chung của nhà trường.

Cảnh quan nhà trường sáng, xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm yếu

Trang thiết bị dùng cho khối hành chính – quản trị đã bị hư hỏng và xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu, đề xuất đầu tư xây dựng các khối phòng hành chính – quản trị phục vụ đạt chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, đảm bảo sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường, sử dụng thuận lợi [H3-3.1-01]; [H1-1.10-02];

Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường có hệ thống nước giếng khoan đủ phục vụ nước sinh hoạt, cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-02]; [H1-1.1-03];

Nhà trường ký hợp đồng với công ty thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Trường có khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng, bố trí phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.1-01].

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường luôn có ý thức gom rác và xử lý chất thải trong ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H1-1.10-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ sở hạ tầng về vệ sinh, cấp thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo nhu cầu.

3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh của học sinh nhỏ số lượng học sinh đông chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục khai thác, sử dụng có hiệu quả khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống thoát nước. Thường xuyên sửa chữa hệ thống điện và nước sạch sinh hoạt. Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện Cư Jut để tiến hành kiểm tra nguồn nước của nhà trường đang sử dụng và yêu cầu cơ quan Y tế cấp giấy chứng nhận nguồn nước sử dụng nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường được trang bị đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị hỗ trợ khác. Nhà trường có máy photocopy, máy tính và máy in, máy Scan, máy tính phục vụ công tác quản lý và làm việc [H1-1.6-04]; [H3-3.1-03];

Nhà trường có thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu của bộ môn theo quy định, phòng học Tin học, phòng Ngoại ngữ có 02 máy tính để giảng dạy, có 31 tivi ở 31 phòng học để dạy học ứng dụng công nghệ thông tin [H1-1.6-04]; [H3-3.1-03];

Hàng năm các thiết bị được rà soát, kiểm kê, sửa chữa và được bổ sung, thay thế [H1-1.6-04]; [H3-3.1-03].

Mức 2:

Hệ thống máy tính được kết nối mạng nội bộ phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học: Các phòng hành chính được kết nối internet, có hệ thống wifi dùng chung, phòng

Tin học, Lab được lắp đặt các gói Internet hợp đồng với các nhà mạng Viettel, Vinaphone [H1-1.6-04]; [H3-3.1-03].

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường hoạt động tốt, được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng công việc, đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin phục vụ dạy học và quản lý của trường;

Thiết bị dạy học tương đối đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có thiết bị dạy học của các phòng học bộ môn: Hóa học, Sinh học, Vật lí, Tin học, Ngoại ngữ [H1-1.6-04]; [H3-3.1-03];

Hàng năm, các thiết bị dạy học luôn được rà soát, mua bổ sung. Công tác kiểm kê thiết bị được thực hiện vào cuối năm học một cách cụ thể chi tiết [H1-1.6-04]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thiết bị dạy học tương đối đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi trong việc giảng dạy, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, ứng dụng thực tiễn.

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được được chú trọng, trang bị đầy đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng, hoạt động tốt, ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải cách hành chính, giảng dạy, học tập.

Công tác kiểm kê thiết bị được thực hiện vào cuối năm học một cách cụ thể chi tiết. Thiết bị được mua sắm, sửa chữa, bổ sung hàng năm kịp thời.

3. Điểm yếu

Thiết bị văn phòng đa số đã cũ, xuống cấp và thường hư hỏng.

Thiết bị dạy học nhanh hư hỏng. hóa chất phục vụ thí nghiệm một số đã hết chưa được cấp bổ sung, một số hết hạn sử dụng công tác tiêu hủy cũng gặp rất nhiều khó khăn

Phong trào làm đồ dùng dạy học của giáo viên hàng năm chưa được chú trọng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục bổ sung trang thiết bị, ĐDDH, các phần mềm ứng dụng cho công tác giảng dạy; đưa nội dung ứng dụng CNTT trong dạy học vào tiêu chí thi đua.

Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh việc khai thác, sử dụng thiết bị hiện có và phát động giáo viên làm thêm đồ dùng dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy và học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01]; [H3-3.1-01];

Thư viện nhà trường mở cửa hoạt động hàng ngày trong tuần, đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy và học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.8-03];

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức rà soát, kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.3-01]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

Nhà trường đã lập kế hoạch xây dựng thư viện trường học đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.6-01].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Số lượng đầu sách, thể loại sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được bổ sung hàng năm đáp ứng tương đối yêu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh.

Việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức khoa học, đạt hiệu quả cao trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

Nhà trường đã có mạng lưới Internet để truy cập thư viện điện tử nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nghiên cứu và học tập.

3. Điểm yếu

Đầu sách còn hạn chế.

Diện tích thư viện chưa đáp ứng việc phục vụ đông đảo người đọc;

Công tác vệ sinh, sắp xếp thư viện chưa khoa học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bộ phận thư viện của nhà trường cần tăng cường hơn nữa công tác phối hợp Lãnh đạo nhà trường thực hiện nhiệm vụ.

Trùng tu, sửa chữa, xây dựng thư viện nhà trường có yếu tố thư viện điện tử phần đầu năm 2023 đạt thư viện điện tử.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống công trường, biển tên trường, khu sân chơi, bãi tập, đảm bảo an toàn để học sinh luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Các phòng học thiết kế đều có bảng viết, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh đầy đủ phù hợp với tầm vóc, độ tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Phòng học đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát đảm bảo học hai ca trong ngày; có đủ phòng học bộ môn và các phòng chức năng theo quy định. Khu vệ sinh được thiết kế riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên.

Khối phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định, cùng trang thiết bị tạo điều kiện thuận lợi hoạt động chung của nhà trường.

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được được chú trọng, trang bị đầy đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng, hoạt động tốt, ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải cách hành chính, giảng dạy, học tập.

Nhà trường có thiết bị dạy học tương đối đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi trong việc giảng dạy, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, ứng dụng thực tiễn.

Về thư viện: Số lượng đầu sách, thể loại sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được bổ sung hàng năm đáp ứng tương đối yêu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh; việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức khoa học, đạt hiệu quả cao trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

Nhà trường có cơ sở hạ tầng về vệ sinh, cấp thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo nhu cầu. Cảnh quan nhà trường sáng, xanh, sạch, đẹp.

Trang thiết bị dùng cho khối hành chính – quản trị đã xuống cấp; máy tính ở 01 phòng học Tin học cấu hình thấp hay bị hư hỏng; sách tham khảo ở thư viện còn hạn chế; thiết bị dạy học một số bộ môn đã cũ và hư hỏng nhiều.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 5/6 (5/6) tiêu chí chiếm 83.4 %
- + Đạt Mức 3: 3/6 (2/5) tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục được nhà trường luôn chú trọng và duy trì tốt. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội tốt sẽ tạo ra thế đứng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế những ảnh hưởng tác động xấu của xã hội đến học sinh, đồng thời đáp ứng, phục vụ tốt nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương. Ngoài ra, nhà trường còn coi trọng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức đoàn thể, xã hội ngoài nhà trường để tranh thủ sự ủng hộ về vật chất cũng như tinh thần để xây dựng CSVC, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường tiến hành họp cha mẹ học sinh, bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp gồm có: 1 Trưởng ban, 1 phó ban và 1 uỷ viên. Tổ chức hội nghị ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp cùng nhà trường bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường gồm các thành viên: 1 Trưởng ban, 1 Phó ban và các uỷ viên kiêm thư ký [H4-4.1-01], [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03];

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức các hoạt động theo quy định ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01];

Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Mỗi năm học Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp thực hiện ít nhất 3 phiên họp thường kỳ, các phiên họp cha mẹ học sinh tham gia đầy đủ và nhất trí cao với kế hoạch năm học của nhà trường [H4-4.1-04].

Mức 2:

Trong quá trình hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh thông qua việc lồng ghép vào các cuộc họp ở thôn, buôn; cùng nhà trường tham gia huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H4-4.1-04]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã có sự phối hợp chặt chẽ với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ như: Hỗ trợ nhà trường, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động giáo dục

cho học sinh, tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh, vận động học sinh ra lớp, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh.

Giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất quan điểm, nội dung phương pháp giáo dục và đạt được một số kết quả khả quan. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh; Thông tin kịp thời cho cha mẹ học sinh biết về kết quả học tập, rèn luyện đạo đức của con em mình.

Lãnh đạo nhà trường thường xuyên có những cuộc họp, trao đổi với Ban đại diện cha mẹ học sinh, kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều tay, công việc chủ yếu tập trung vào một số người. Một số thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp.

Một số đại diện cha mẹ học sinh của các lớp hoạt động chưa hiệu quả, chưa phối hợp chặt chẽ với Giáo viên chủ nhiệm để giáo dục học sinh.

Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình chỉ giao cho nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tạo mọi điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường, các lớp học động hiệu quả.

Thường xuyên phối hợp giữa nhà trường và CMHS trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục để điều chỉnh các biện pháp giáo dục học sinh phù hợp, giải quyết các kiến nghị kịp thời.

Tăng cường việc quản lý và giáo dục học sinh, đặc biệt là học sinh chưa ngoan, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường với một số nội dung như: Tham mưu về công tác tuyển sinh, tuyên truyền vận động xã hội hoá giáo dục đầu tư cơ sở vật chất và một số chính sách nhằm nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường [H4-4.2-01];

Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch, tổ chức các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-02];

Trong những năm qua, Nhà trường đã tích cực trong công tác xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực: Sự đóng góp tài trợ của cha mẹ học sinh, kinh phí giúp đỡ nhà trường đầu tư cơ sở vật chất [H4-4.2-03].

Mức 2:

Thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, hằng năm Lãnh đạo nhà trường trực tiếp tham mưu với cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược như: công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, công tác tuyển sinh [H4-4.2-01].

Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh. Vào dịp nghỉ hè nhà trường đã tổ chức lễ bàn giao học sinh trong hè với tổ chức đoàn thanh niên xã. Tổ chức cho học sinh kí cam kết không vi phạm luật giao thông, không tham gia các tệ nạn xã hội, tàng trữ chất cháy nổ tại gia đình, địa phương; Chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng [H4-4.2-04].

Mức 3:

Nhà trường luôn làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển [H1-1.1-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với đảng ủy, chính quyền địa phương trong việc huy động học sinh ra lớp. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức cá nhân và cộng đồng, huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm yếu

Chưa huy động hết tiềm lực của các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục, hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất các phòng học, nhà đa chức năng, hàng rào đã xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tăng cường hơn nữa công tuyên truyền, phối kết hợp với các tổ chức, ban ngành đoàn thể có liên quan để nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục.

Tổ chức sơ, tổng kết về sự phối hợp giữa nhà trường với các đoàn thể, tổ chức, cá nhân để thể hiện sự trân trọng, ghi nhận và tri ân đối với các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh. Giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất quan điểm, nội dung phương pháp giáo dục và đạt được một số kết quả rất khả quan. Nhà trường yêu cầu Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của trường, do đó đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tranh thủ được sự quan tâm ủng hộ của địa phương về những chủ trương lớn của nhà trường. Nhờ sự phối hợp này, nhà trường cũng đã nhận được sự ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể để góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người.

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều tay, công việc chủ yếu tập trung vào một số người. Một số thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp.

Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình chỉ giao cho nhà trường.

Nhà trường chưa thật sự huy động hết tiềm lực của các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong 5 năm qua, nhà trường đã thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học, chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm duy trì các hoạt động dự giờ, thao giảng, viết sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu sư phạm ứng dụng, thi giáo viên giỏi, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, thực hiện tốt hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục truyền thống, giáo dục địa phương. Nhà trường đã quan tâm đúng mức các hoạt động giáo dục thể chất - y tế trường học; thực hiện tốt chủ đề năm học và hưởng ứng tích cực các cuộc vận động, phong trào thi đua. Hiệu trưởng chỉ đạo sát sao công tác chủ nhiệm để nâng cao hiệu quả công tác quản lý học sinh, đặc biệt giúp đỡ các học sinh yếu kém vươn lên trong rèn luyện đạo đức và học tập.

Để đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông, nhà trường không ngừng đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh; đổi mới kiểm tra đánh giá nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tinh thần tự học, tự rèn luyện của học sinh. Đồng thời, hằng năm, nhà trường thực hiện thường xuyên hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong học sinh, giúp đỡ học sinh yếu, kém theo kế hoạch của nhà trường; tổ chức các hoạt động tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh phù hợp với năng lực sở trường, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương; thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, nhà trường đã phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên và thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh; giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, tổ chức cho học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, cơ sở vật chất nhà trường. Nhờ vậy kết quả xếp loại các mặt của học sinh có chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục như Hoạt động ngoài giờ lên lớp, Giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống,... theo quy định đảm bảo mục tiêu giáo dục, thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01];

Nhà trường triển khai cho giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02];

Nhà trường thực hiện đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả: Ban hành Quyết định kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ và có các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh như kiểm tra viết, kiểm tra thực hành đảm bảo khách quan và hiệu quả [H1-1.8-01];

Mức 2:

Định kỳ, cán bộ quản lý kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên qua sổ đầu bài, kế hoạch báo giảng, dự giờ và qua kiểm tra vở ghi của học sinh để đảm bảo thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01]; [H1-1.4-06].

Đầu năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu kém, gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Trong năm 2019-2020, Nhà trường có 02 học sinh trong đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia [H1-1.8-02].

Mức 3:

Sau mỗi học kỳ, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn họp đánh giá chất lượng bộ môn để có biện pháp trong học kỳ tiếp theo. Sau mỗi năm học, các tổ họp xét đánh giá hoạt động giảng dạy, đề xuất với nhà trường về phương pháp dạy học tích cực để triển khai năm học kế tiếp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường THPT Phan Bội Châu đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Giáo viên nhà trường đã chủ động tìm hiểu, học hỏi và vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn tạo nên sự

hứng thú trong học tập cho học sinh, đồng thời kích thích tư duy của các em trong nghiên cứu bài học.

Nhà trường đã tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả đánh giá tương đối đúng năng lực của học sinh.

Nhà trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

Nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch nhằm phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Trong năm học 2019-2020 học sinh nhà trường có nhiều thành tích nổi bật trong học tập.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên còn hạn chế việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và kết hợp các kỹ thuật dạy học chưa linh hoạt.

Một số hoạt động dạy học đổi mới chỉ thực hiện bước đầu, chưa đa dạng về hình thức.

Việc đổi mới phương pháp dạy học ở một số giáo viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc kế hoạch chuyên môn năm học, học kỳ, tháng, tuần, bám sát chỉ đạo của cấp trên, phù hợp tình hình thực tế. Bố trí giáo viên dạy thay, dạy bù kịp thời, khắc phục trường hợp giảng dạy chậm tiến độ trong từng tháng. Tự chủ có hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu của nhà trường và kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém. Thực hiện chương trình kế hoạch và các chuyên đề đổi mới, chuyên đề về CT GDPT PH 2018, thực hiện tốt các hoạt động giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng Kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1-1.8-02];

Hiệu trưởng nhà trường triển khai kế hoạch giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập đến toàn cán bộ, giáo viên, công nhân viên trong nhà trường. Từ đó, các tổ chuyên môn thực hiện việc chọn học sinh bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện đạt hiệu quả cao ngay từ đầu năm học nên trong những năm gần đây, hiệu quả giáo dục của Nhà trường có sự tiến triển rõ rệt chất lượng học sinh mỗi năm và chất lượng đại trà tăng lên [H1-1.1-03];

Hàng năm, nhà trường rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để đề ra kế hoạch giáo dục phù hợp nhằm hỗ trợ học sinh [H5-5.2-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tuyển chọn đội tuyển bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và lập danh sách học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, chú trọng việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong học sinh đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo Kế hoạch giáo dục đã đề ra [H1-1.8-02]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-02]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường đều có học sinh đạt giải trong các kì thi học sinh giỏi các môn văn hóa và năng khiếu các cấp, đạt được nhiều huy chương vàng, bạc, đồng cấp tỉnh và cấp khu vực, nhiều em có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập được nhận học bổng; tham gia các phong trào do Huyện đoàn, Tỉnh đoàn tổ chức đạt giải cao [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đều khảo sát, phân loại học sinh ngay từ đầu năm học, từ đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém phù hợp với điều kiện địa phương và tình hình thực tế nhà trường. Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Trong đó, buổi chiều hầu hết khối lượng thời gian tập trung chủ yếu vào phụ đạo học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi. Chính vì vậy, chất lượng giáo dục không ngừng được nâng lên.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Với 37/70 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, nhiều sáng kiến kinh nghiệm trong dạy học được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận đã góp phần không nhỏ trong giảng dạy.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được duy trì, số học đạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi các cấp ổn định và tăng dần.

3. Điểm yếu

Chất lượng giáo dục đại trà chưa cao.

Chất lượng mũi nhọn các môn văn hóa và năng khiếu chưa cao, chưa bền vững, chưa đạt giải trong các kì thi cấp quốc gia.

Số lượng học sinh đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp không đồng đều ở các bộ môn, chủ yếu tập trung ở các bộ môn xã hội

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục tập thể, ngoại khóa, hoạt động giáo dục trải nghiệm. Tiếp tục thực hiện việc dạy học theo yêu cầu phân hóa, sát đối tượng học sinh; quan tâm học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Phát động phong trào học nhóm, đôi bạn cùng tiến.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung chương trình giáo dục địa phương theo chương trình của Sở Giáo dục và Đào tạo. Những nội dung này được tích hợp trong việc dạy các môn học Ngữ văn, Giáo dục công dân, Lịch sử, Địa lí,.... Việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương được nhà trường triển khai một cách nghiêm túc trong kế hoạch ngay từ đầu năm học [H1-1.1-03];

Nhà trường luôn coi trọng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả của việc thực hiện nội dung chương trình giáo dục địa phương. Các hình thức kiểm tra và đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương được giáo viên giảng dạy thực hiện nghiêm túc, đảm bảo khách quan và hiệu quả [H1-1.4-05];

Hằng năm nhà trường luôn chú trọng việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu để đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương được giảng dạy [H1-1.4-05].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương bám sát nội dung của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với mục tiêu môn học và gắn liền lý luận với thực tiễn.

Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương. Từ đó khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của Quê hương [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Đã triển khai cho các giáo viên ở các bộ môn liên quan thực hiện các nội dung giáo dục địa phương ngay từ đầu năm học.

Nội dung giáo dục địa phương được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật kịp thời gắn với thực tiễn.

3. Điểm yếu

Việc giáo dục địa phương cho học sinh bằng hình thức tham quan thực tế chưa được tổ chức tốt.

Tài liệu giáo dục địa phương còn ít và chưa phong phú về thể loại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích hợp các môn, tăng cường hơn nữa giáo dục truyền thống địa phương. Thực hiện nghiêm túc việc dạy học nội dung giáo dục địa phương ở các môn lịch sử và địa lý theo quy định. Đưa nội dung giáo dục địa phương vào kiểm tra định kỳ với thời lượng phù hợp. Rà soát, đánh giá các hoạt động về công tác giáo dục địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp được thể hiện rõ trong Kế hoạch năm học theo đúng chỉ đạo của ngành phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.1-03];

Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp đã được tổ chức đảm bảo theo Kế hoạch đã xây dựng, trong đó giáo viên đã xây dựng và thực hiện nội dung dạy học trải nghiệm sáng tạo cấp THPT. Hoạt động ngoài giờ lên lớp và hướng nghiệp đã được tổ chức thực hiện theo chủ đề từng tháng, do giáo viên chủ nhiệm thực hiện [H5-5.4-01];

Ngay từ đầu năm học, trong Kế hoạch thực hiện nhà trường đã phân công giáo viên thực hiện dạy trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh, trong đó công tác trải nghiệm được phân công cho giáo viên trực tiếp giảng dạy theo các môn có tiết trải nghiệm quy định, các giáo viên chủ nhiệm và Đoàn thanh niên được phân công thực hiện công tác hướng nghiệp [H1-1.7-02].

Mức 2:

Các hoạt động trải nghiệm đã được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, mỗi môn học sinh được tham gia các hoạt động nghiên cứu trải nghiệm thực tế trên lớp do giáo viên tổ chức, thực hiện nghiên cứu trải nghiệm tại nhà và báo cáo trải nghiệm trên lớp. Hoạt động hướng nghiệp được tổ chức theo hình thức tích hợp trong các giờ sinh hoạt lớp, tổ chức giáo dục kỹ năng sống dưới cờ cho học sinh [H1-1.10-07].

Việc xây dựng Kế hoạch hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp hằng năm đều được thực hiện trên cơ sở rà soát kế hoạch thực hiện, rút kinh nghiệm từ năm học trước liền kề [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp được xây dựng hợp lí, tổ chức triển khai kịp thời nên đã hình thành, phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp. Học sinh có khả năng phát triển hứng thú nghề nghiệp và ra quyết định lựa chọn được nghề nghiệp tương lai.

3. Điểm yếu

Hoạt động dạy trải nghiệm đã được tổ chức dưới nhiều hình thức xong khi thực hiện vẫn còn một số học sinh tham gia chưa thực sự nhiệt tình, còn rụt rè và chưa mạnh dạn.

Thời gian giành cho công tác giáo dục hướng nghiệp còn chưa được nhiều, chủ yếu tập trung vào các học sinh khối 12, hình thức chủ yếu là lồng ghép tích hợp nên chưa hướng dẫn được chuyên sâu.

Nhà trường chưa có giáo viên chuyên biệt trong công tác hướng nghiệp, công tác này chủ yếu là giáo viên kiêm nhiệm nên kinh nghiệm chưa nhiều, hướng nghiệp còn chung chung chưa sát thực tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức tốt cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm tại địa phương. Đổi mới hình thức và nội dung giảng dạy công tác hướng nghiệp, phối hợp với các trường Cao đẳng, Đại học để tư vấn chọn ngành, chọn trường cho học sinh khối 12.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh. Nội dung cụ thể được thông qua các giờ chào cờ, giờ ngoại khóa, các giờ học trên lớp, trong các giờ sinh hoạt. Kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành và phát triển kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh và điều kiện nhà trường [H1-1.1-03]; [H5-5.5-01]; [H1-1.10-07];

Thông qua quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, học sinh đã có nhiều chuyển biến tích cực; số học sinh có khả năng thực hành kỹ năng sống đã có nhiều chuyển biến, biết vận dụng các kỹ năng rèn luyện được để xử lý các tình huống trong thực tiễn, cuộc sống, trong học tập,...[H1-1.1-03];

Quá trình học tập, rèn luyện của học sinh thông qua các hoạt động giáo dục đã đạt được nhiều chuyển biến tích cực; đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán của địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam, không có học sinh vi phạm pháp luật hay tham gia các tệ nạn xã hội ...[H1-1.1-03]; [H5-5.5-01].

Mức 2:

Giáo viên đã tuyên truyền, hướng dẫn cẩn thận và tổ chức cho học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, từ đó học sinh biết cách đưa ra được các nhận định cho bản thân để có hướng tự điều chỉnh cho phù hợp ...[H1-1.1-03].

Qua quá trình học tập, đa số học sinh đã biết vận dụng kiến thức đã được học vào các hoạt động thực tiễn, vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống trong cuộc sống, phát huy được hiệu quả của việc vận dụng kỹ năng sống [H1-1.1-03].

Mức 3:

2. Điểm mạnh

Chương trình giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, duy trì thường xuyên, có hiệu quả thông qua các giờ học trên lớp, các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; có kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể; được nhà trường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra chặt chẽ.

Học sinh biết vận dụng các kỹ năng sống vào cuộc sống hằng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa do Đoàn trường, nhà trường tổ chức.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh có khả năng vận dụng kiến thức đã học qua các hoạt động giáo dục vào thực tiễn trong cuộc sống còn chưa được tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục triển khai giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh theo quy định của Bộ và Sở GD&ĐT.

Tiếp tục tích hợp giáo dục kỹ năng sống vào các môn học, các hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tăng cường, cải tiến việc tổ chức rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh theo chiều sâu, tổ chức thường xuyên các chuyên đề về giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh.

Tiếp tục phối hợp với các Ban ngành để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chuyên đề. Phân công giáo viên tổng phụ trách: Trực tiếp làm công tác hỗ trợ tâm lý cho học sinh tại trường, bố trí phòng hỗ trợ tâm lý cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
 - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Bên cạnh đó, nhà trường luôn có Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém vào các buổi chiều trong tuần [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

Nhà trường duy trì tốt chất lượng giáo dục hằng năm:

Kết quả xếp loại học lực trung bình trở lên trong 3 năm liền kê luôn đạt trên 95%. Tỷ lệ học sinh xếp loại khá và giỏi từ 45% trở lên [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh hạnh kiểm đạt từ loại khá trở lên trong 3 năm liền kê đều từ 95%, trong đó trên 90% học sinh xếp hạnh kiểm tốt. Không có học sinh bị kỷ luật buộc thôi học và bị truy cứu về trách nhiệm hình sự [H5-5.6-01];

Tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm đạt trên 98%. Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT đạt trên 95% [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh hạnh kiểm đạt từ loại khá trở lên trong 3 năm liền kê đều từ 95%, trong đó trên 90% học sinh xếp hạnh kiểm khá, tốt. Không có học sinh bị kỷ luật buộc thôi học và bị truy cứu về trách nhiệm hình sự [H5-5.6-01];

Tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm đạt trên 98%. Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT đạt trên 95% [H5-5.6-01].

Nhà trường duy trì tốt chất lượng giáo dục hằng năm:

Kết quả xếp loại học lực đạt trên 95% từ trung bình trở lên. Tỷ lệ học sinh xếp loại khá và giỏi trên 40%

Nhà trường luôn chú trọng công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi. Vì vậy, hằng năm, nhà trường đều có đội tuyển học sinh giỏi tham gia và đạt nhiều giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, học sinh tham dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia, kì thi Olympic khối cấp tỉnh, cấp khu vực [H5-5.6-01], các đợt hội thao Giáo dục quốc phòng – An ninh, hội khỏe Phù đổng, văn hóa văn nghệ... [H5-5.2-02];

Bên cạnh đó, nhà trường luôn có Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém vào các buổi chiều trong tuần [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

Nhà trường duy trì tốt chất lượng giáo dục hằng năm:

Kết quả xếp loại học lực trung bình trở lên trong 3 năm liền kê luôn đạt trên 95%. Tỷ lệ học sinh xếp loại khá và giỏi từ 45% trở lên, tỷ lệ học sinh khá, giỏi trong 3 năm liền kê đạt hơn 40% [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh hạnh kiểm đạt từ loại khá trở lên trong 3 năm liền kê đều từ 95%, trong đó trên 90% học sinh xếp hạnh kiểm khá, tốt. Không có học sinh bị kỷ luật buộc thôi học và bị truy cứu về trách nhiệm hình sự [H5-5.6-01];

Tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm đạt trên 98%. Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT đạt trên 95% [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi của trường đạt trên 10%. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá của trường đạt từ 35% trở lên. Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường dưới 5% [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 95% [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1% và tỉ lệ học sinh lưu ban không quá 2% [H5-5.6-01].

[H5-5.6-01].

Kết quả xếp loại hạnh kiểm hằng năm đều đạt 95% trở lên đạt từ loại khá trở lên, trong đó trên 90% học sinh xếp hạnh kiểm khá, tốt. Không có học sinh bị kỷ luật buộc thôi học hoặc bị truy cứu về trách nhiệm hình sự [H5-5.6-01];

Tỉ lệ học sinh lên lớp hằng năm đạt trên 98%. Tỉ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT đạt trên 97% [H5-5.6-01];

Nhà trường luôn chú trọng công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi. Vì vậy, hằng năm, nhà trường đều có đội tuyển học sinh giỏi tham gia và đạt nhiều giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, học sinh tham dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia, kì thi Olympic khối cấp tỉnh, cấp khu vực [H5-5.6-01], các đợt hội thao Giáo dục quốc phòng – An ninh, hội khỏe Phù đổng, văn hóa văn nghệ...[H5-5.2-02];

Bên cạnh đó, nhà trường luôn có Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém vào các buổi chiều trong tuần [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Nhà trường duy trì tốt chất lượng giáo dục hằng năm:

Kết quả xếp loại học lực trung bình trở lên trong 3 năm liền kề luôn chưa đạt trên 95%. Tỉ lệ học sinh xếp loại khá và giỏi từ 45% trở lên, tỉ lệ học sinh khá, giỏi trong 3 năm liền kề đạt hơn 40% [H5-5.6-01].

Tỉ lệ học sinh hạnh kiểm đạt từ loại khá trở lên trong 3 năm liền kề đều từ 95%, trong đó trên 90% học sinh xếp hạnh kiểm tốt. Không có học sinh bị kỷ luật buộc thôi học và bị truy cứu về trách nhiệm hình sự [H5-5.6-01];

Tỉ lệ học sinh lên lớp hằng năm đạt trên 98%. Tỉ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT đạt trên 95% [H5-5.6-01].

Mức 3:

Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi của trường đạt trên 10%. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá của trường đạt từ 35% trở lên. Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường dưới 5% [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 95% [H5-5.6-01].

Tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1% và tỉ lệ học sinh lưu ban không quá 2% [H5-5.6-01].

2. Điểm mạnh

Kết quả xếp loại về học lực của học sinh các khối lớp đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp học, chỉ tiêu của nhà trường đề ra. Nhà trường luôn duy trì được đội tuyển học sinh giỏi theo kế hoạch của nhà trường. Học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt chỉ tiêu đăng kí.

Nhà trường đã duy trì tốt công tác giáo dục đạo đức học sinh, rèn luyện cho học sinh có ý thức kỷ luật cao, thực hiện nghiêm túc nội quy trường lớp.

Phát huy được sức mạnh tổng hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong và ngoài trường, sự phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục đạo đức.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh đạt giải trong các kì thi cấp tỉnh chưa cao

Việc giáo dục đạo đức của học sinh đôi khi còn chưa kịp thời nên vẫn còn học sinh vi phạm nội quy của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện quy đổi theo TT 18/TT - BGD

- + Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 94% .
- + Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi: Đạt ít nhất 10% .
- + Tỷ lệ học sinh xếp loại khá: Đạt ít nhất 35% .
- + Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém: không quá 5% .
- + Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02 % học sinh lưu ban.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trong những năm qua, nhà trường luôn tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự chỉ đạo chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy là phương châm hàng đầu trong cả quá trình hoạt động giáo dục của nhà trường. Giáo viên đã phát huy vai trò chủ đạo trong việc hướng dẫn học sinh chủ động, tích cực tiếp thu và áp dụng kiến thức kỹ năng vào thực tiễn cuộc sống.

Nhà trường đã tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả đánh giá tương đối đúng năng lực của học sinh; thường xuyên xây dựng kế hoạch nhằm phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện nên trong năm học học sinh có nhiều thành tích trong học tập, nghiên cứu KHKT.

Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp được xây dựng hợp lí, tổ chức triển khai kịp thời nên đã hình thành, phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.

Chương trình giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, duy trì thường xuyên, có hiệu quả thông qua các giờ học trên lớp, các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; có kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể; được nhà trường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra chặt chẽ đạt hiệu quả cao.

Kết quả xếp loại về học lực của học sinh các khối lớp đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp học, chỉ tiêu của nhà trường đề ra.

Tóm lại, hoạt động giáo dục trong nhà trường hằng năm đạt được kết quả tương đối cao, thường xuyên có học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa các cấp, thi KHKT; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 95%, tỷ lệ học sinh đậu đại học, cao đẳng đạt 60% trong số học sinh đăng xét tuyển đại học, cao đẳng.

Chất lượng giáo dục đại trà còn thấp.

Chất lượng mũi nhọn các môn văn hóa và năng khiếu chưa cao, chưa bền vững, chưa đạt các giải cao trong các kì thi cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Vẫn còn một số học sinh có khả năng vận dụng kiến thức đã học qua các hoạt động giáo dục vào thực tiễn trong cuộc sống còn chưa được tốt.

Việc giáo dục đạo đức của học sinh đôi khi còn chưa kịp thời nên vẫn còn hiện tượng học sinh chưa chấp hành tốt nội quy của nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 5/6 (3/4) tiêu chí chiếm 83.4 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Kết luận:

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %

- + Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: (27/28) (27/28) tiêu chí chiếm 96.5 %
- + Đạt Mức 3: (21/28) (13/20) tiêu chí chiếm 75 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
- + Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN BỘI CHÂU tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 và Không đạt trường chuẩn Quốc Gia.

Nam Dong, ngày 12 tháng 06 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Vương Xuân Trung

Phần IV
PHỤ LỤC